

<p>- GV: Gọi 2HS lên sửa BT tập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.</p> <p>- GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm.</p> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Ghiệu:</b> GV nêu mtiêu giờ học &amp; ghi bảng đề bài.</p> <p><b>*Ghiệu t/chất kết hợp của phép nhân:</b></p> <p><b>a. So sánh gtrị của các b/thức:</b></p> <p>- GV: Viết b/thức: <math>(2 \times 3) \times 4</math> &amp; <math>2 \times (3 \times 4)</math>, y/c HS tính gtrị của 2 b/thức, rồi so sánh gtrị của 2 b/thức này với nhau.</p> <p>- GV: Làm tg tự với các cặp b/thức khác.</p> <p><b>b. Ghiệu t/chất k/hợp của phép nhân:</b></p> <p>- Treo Bp, y/c HS th/h tính gtrị biểu thức <math>(axb)xc</math> &amp; <math>ax(bxc)</math> để điền kquả vào bảng.</p>	<p>- 2HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</p> <p>- HS: Nhắc lại đề bài.</p> <p>- HS: Đọc bảng số.</p> <p>- 3HS lên th/h tính để hoàn thành bảng.</p>																				
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">a</th> <th style="width: 10%;">b</th> <th style="width: 10%;">c</th> <th style="width: 30%;">(a + b) + c</th> <th style="width: 30%;">a + (b + c)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">3</td> <td style="text-align: center;">4</td> <td style="text-align: center;">5</td> <td style="text-align: center;"><math>(3 \times 4) \times 5 = 60</math></td> <td style="text-align: center;"><math>3 \times (4 \times 5) = 60</math></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">5</td> <td style="text-align: center;">2</td> <td style="text-align: center;">3</td> <td style="text-align: center;"><math>(5 \times 2) \times 3 = 30</math></td> <td style="text-align: center;"><math>5 \times (2 \times 3) = 30</math></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">4</td> <td style="text-align: center;">6</td> <td style="text-align: center;">2</td> <td style="text-align: center;"><math>(4 \times 6) \times 2 = 48</math></td> <td style="text-align: center;"><math>4 \times (6 \times 2) = 48</math></td> </tr> </tbody> </table>		a	b	c	(a + b) + c	a + (b + c)	3	4	5	$(3 \times 4) \times 5 = 60$	$3 \times (4 \times 5) = 60$	5	2	3	$(5 \times 2) \times 3 = 30$	$5 \times (2 \times 3) = 30$	4	6	2	$(4 \times 6) \times 2 = 48$	$4 \times (6 \times 2) = 48$
a	b	c	(a + b) + c	a + (b + c)																	
3	4	5	$(3 \times 4) \times 5 = 60$	$3 \times (4 \times 5) = 60$																	
5	2	3	$(5 \times 2) \times 3 = 30$	$5 \times (2 \times 3) = 30$																	
4	6	2	$(4 \times 6) \times 2 = 48$	$4 \times (6 \times 2) = 48$																	
<p>- Y/c: Hãy so sánh gtrị của b/thức <math>(axb)xc</math> với gtrị của b/thức <math>ax(bxc)</math> khi <math>a=3, b=4</math> &amp; <math>c=5</math>?</p> <p>- Th/h tg tự với các cột còn lại.</p> <p>- Vậy gtrị của b/thức <math>(axb)xc</math> luôn ntn so với gtrị của b/thức <math>ax(bxc)</math>?</p> <p>- GV: Ta có thể viết: <math>(axb)xc = ax(bxc)</math>.</p> <p>- GV: Vừa chỉ vừa nêu:</p> <p>+ <math>(axb)</math> đc gọi là một tích hai thừa số, biểu thức <math>(axb)xc</math> có dạng là một tích hai thừa số nhân với số thứ ba, số thứ ba ở đây là <math>c</math>.</p> <p>+ Xé b/thức <math>ax(bxc)</math> thì ta thấy <math>a</math> là số thứ nhất của tích <math>(axb)</math>, còn <math>(bxc)</math> là tích của số thứ hai &amp; số thứ ba trg b/thức <math>ax(bxc)</math>.</p> <p>+ <i>Vậy khi th/h nhân 1 tích hai số với số thứ 3 ta có thể nhân số thứ nhất với tích của số thứ 2 &amp; số thứ 3</i></p> <p>- GV: Y/c HS nhắc lại kluận.</p> <p><b>*Luyện tập-thực hành:</b></p> <p><b>Bài 1:</b> - GV: Viết: <math>2 \times 5 \times 4</math></p> <p>- Hỏi: B/thức này có dạng là tích của mấy số?</p> <p>+ Có những cách nào để tính gtrị của b/thức?</p> <p>- GV: Y/c HS tính gtrị của b/thức theo 2 cách.</p> <p>- GV: Xét &amp; nêu cách làm đúng, sau đó y/c HS tự làm tiếp các phần còn lại.</p> <p><b>Bài 2:</b> - Hỏi: BT y/c ta làm gì?</p> <p>- Viết: <math>13 \times 5 \times 2</math>. Y/c: Tính gtrị b/thức theo 2 cách.</p>	<p>- Điều bằng 15..</p> <p>- HS: TLCH.</p> <p>- Luôn bằng nhau.</p> <p>- HS: Đọc <math>(a+b)+c = a+(b+c)</math>.</p> <p>- HS: Đọc kluận.</p> <p>- HS: Đọc đề bài.</p> <p>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p> <p>- HS: Gthích.</p> <p><b>- HS làm BT 1a:</b></p> <p><math>4 \times 5 \times 3 = 60</math> ; <math>3 \times 5 \times 6 = 90</math></p>																				

<p>- Hỏi: Trong 2 cách làm này cách nào thuận tiện hơn? Vì sao?</p> <p>- GV: Y/c HS làm tiếp phần còn lại.</p> <p>- GV: Chữa bài &amp; cho điểm HS.</p> <p><b>3) Củng cố-dặn dò:</b></p> <p>- Hỏi: Củng cố bài.</p> <p>- GV: Tổng kết giờ học, dặn HS <math>\Delta</math> làm BT &amp; CBB.</p>	<p>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p> <p>- HS làm BT 2a còn lại:</p> $5 \times 2 \times 34 = 340$
---	--

Tuần 11 – Tiết 3

**Toàùn : NHÂN VỚI SỐ CÓ TẬN CÙNG LÀ CHỮ SỐ 0**

**I.MỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Biết cách nhân với số có tận cùng là chữ số 0 ; vận dụng để tính nhanh, tính nhẩm.

**II.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) KTBC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Gọi 2HS lên sửa BT lập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.</li> <li>- GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm.</li> </ul> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Ghiệu:</b> Trg giờ học này các em học cách th/h phép nhân với số có tận cùng là chữ số 0.</p> <p><b>*Hướng dẫn nhân với số có tận cùng là chữ số 0:</b></p> <p><b>a. Phép nhân <math>1324 \times 20</math>:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Viết <math>1324 \times 20</math>.</li> <li>- Hỏi: + <math>20</math> có chữ số tận cùng là mấy?</li> <li>+ <math>20</math> bằng 2 nhân mấy?</li> <li>- Vậy ta có thể viết: <math>1324 \times 20 = 1324 \times (2 \times 10)</math>.</li> <li>- Y/c: + Hãy tính gtrị của <math>1324 \times (2 \times 10)</math>.</li> <li>+ Vậy <math>1324 \times 20</math> bằng bn?</li> <li>- Hỏi: + <math>2648</math> là tích của các số nào?</li> <li>+ Xét gì về số <math>2648</math> &amp; <math>26480</math>?</li> <li>+ Số <math>20</math> có mấy chữ số <math>0</math> ở tận cùng?</li> <li>- Vậy, khi th/h phép nhân <math>1324 \times 20</math> ta chỉ việc th/h <math>1324 \times 2</math> rồi viết thêm một chữ số <math>0</math> vào bên phải tích <math>1324 \times 2</math>.</li> <li>- Hãy đặt tính &amp; th/h tính <math>1324 \times 20</math>.</li> <li>- GV: Y/c HS nêu cách th/h phép nhân của mình.</li> <li>- GV: Y/c HS th/h tính: <math>124 \times 20</math>; <math>4578 \times 40</math>; <math>5463 \times 50</math></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2HS lên bảng sửa BT, cả lớp theo dõi để xét.</li> <li>- HS: Nhắc lại đề bài.</li> <li>- HS: Đọc phép tính.</li> <li>- Là <math>0</math>.</li> <li>- <math>20 = 2 \times 10 = 10 \times 2</math>.</li> <li>- 1HS lên bảng tính, cả lớp làm nháp.</li> <li>- Bằng <math>26480</math>.</li> <li>- Của <math>1324 \times 2</math>.</li> <li>- <math>26480</math> chính là <math>2648</math> thêm 1 chữ số <math>0</math> vào bên phải. – Có 1 chữ số <math>0</math> ở tận cùng.</li> <li>- HS: Nghe giảng.</li> <li>- 1HS lên bảng th/h, cả lớp làm vào nháp.</li> <li>- Nhân <math>1324</math> với <math>2</math>, đc <math>2648</math>. Viết thêm 1 chữ số <math>0</math> vào bên phải <math>2648</math> đc <math>26480</math>.</li> <li>- 3HS lên bảng đặt tính &amp; tính, sau đó nêu cách tính như <math>1324 \times 20</math>.</li> </ul>
<p><b>b. Phép nhân <math>230 \times 70</math>:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Viết <math>230 \times 70</math> &amp; y/c HS tách số <math>230</math> thành tích của 1 số nhân với <math>10</math>.</li> <li>- Y/c tách tiếp số <math>70</math> thành tích của 1 số nhân với <math>10</math></li> <li>- Vậy ta có: <math>230 \times 70 = (23 \times 10) \times (7 \times 10)</math>.</li> <li>- Y/c : Áp dụng t/chất g/hoán &amp; k/hợp của phép nhân để tính gtrị của b/thức: <math>(23 \times 10) \times (7 \times 10)</math>.</li> <li>- Hỏi: + <math>161</math> là tích của các số nào?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS: Đọc phép nhân.</li> <li>- <math>230 = 23 \times 10</math>.</li> <li>- <math>70 = 7 \times 10</math>.</li> <li>- 1HS lên bảng tính, cả lớp làm vào nháp: <math>(23 \times 10) \times (7 \times 10) = (23 \times 7) \times (10 \times 10)</math> <math>= 161 \times 100 = 16100</math></li> <li>- Là tích của <math>23 \times 7</math>.</li> </ul>

<p>+ Xét gì về số 161 &amp; 16100?</p> <p>+ Số 230 có mấy chữ số 0 ở tận cùng?</p> <p>+ Số 70 có mấy chữ số 0 ở tận cùng?</p> <p>+ Vậy cả 2 thừa số của phép nhân <math>230 \times 70</math> có mấy chữ số 0 ở tận cùng?</p> <p>- Vậy khi th/h phép nhân <math>230 \times 70</math>, ta chỉ việc th/h <math>23 \times 7</math> rồi viết thêm 2 chữ số 0 vào bên phải tích <math>230 \times 7</math>.</p> <p>- Y/c: Hãy đặt tính &amp; th/h tính <math>230 \times 70</math>.</p> <p>- Y/c: Nêu cách th/h phép nhân của mình.</p> <p>- GV: Y/c HS th/h tính:  <math>1280 \times 30</math>; <math>4590 \times 40</math>; <math>2463 \times 500</math></p> <p><b>*Luyện tập, thực hành:</b></p> <p><b>Bài 1:</b> - GV: Y/c HS tự làm rồi nêu cách tính.  a) <math>1342 \times 40</math> ; b) <math>13546 \times 30</math> ; c) <math>5642 \times 200</math></p> <p><b>Bài 2:</b> - GV: Kh/khích HS tính nhẩm, khg đặt tính.  a) <math>1326 \times 300</math> ; b) <math>3450 \times 20</math> ; c) <math>1450 \times 800</math></p> <p><b>3) Củng cố-dặn dò:</b></p> <p>- GV: Xét tiết học.</p> <p>- Dặn dò: <math>\Delta</math> Làm BT &amp; CBB sau.</p>	<p>- 16100 chính là 161 thêm 2 chữ số 0 vào bên phải.</p> <p>- Có 1 chữ số 0 ở tận cùng.</p> <p>- Có 2 chữ số 0 ở tận cùng.</p> <p>- HS: Nghe giảng.</p> <p>- 1HS lên bảng th/h, cả lớp làm nháp.</p> <p>- Nhân 23 với 7, đc 161. Viết thêm 2 chữ số 0 vào bên phải 161 đc 16100.</p> <p>- 3HS lên bảng đặt tính &amp; tính, sau đó nêu cách tính như với <math>230 \times 70</math>.</p> <p>- 3 HS lên bảng làm &amp; nêu cách tính, cả lớp làm VBT.</p> <p>a) <math>1342 \times 40 = 53.780</math></p> <p>b) <math>13546 \times 30 = 406.380</math></p> <p>c) <math>5642 \times 200 = 1.128.400</math></p> <p>- HS: Tính nhẩm.</p> <p>a) <math>1326 \times 300 = 397.800</math></p> <p>b) <math>3450 \times 20 = 69.000</math></p> <p>c) <math>1450 \times 800 = 1.160.000</math></p>
--	---

**Tuần 11 – Tiết 4**

**Toàùn : ĐỀ-XI-MÉT VUÔNG**

**I.MỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Biết đề-xi-mét vuông là đơn vị đo diện tích.
- Đọc, viết đúng các số đo diện tích theo đơn vị đề-xi-mét vuông.
- Biết được  $1dm^2 = 100cm^2$ . Bước đầu biết chuyển đổi từ  $dm^2$  sang  $cm^2$  và ngược lại.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: vẽ hình vuông diện tích  $1dm^2$  đc chia thành 100 ô vg nhỏ, mỗi ô vg có diện tích  $1cm^2$ .
- HS: Cbị thước & giấy kẻ ô vg  $1cm \times 1cm$ .

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) KTBC:</b></p> <p>- GV: Gọi 2HS lên sửa BT luyện tập thêm ở tiết trước, đồng thời kiểm tra VBT của HS.</p>	<p>- 2HS lên sửa bài, cả lớp theo dõi, xét.</p>

<p>- GV: Sửa bài, nhận xét &amp; cho điểm HS.</p> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Ghiệu:</b> Giờ học hôm nay các em sẽ đc làm quen với 1đv đo diện tích khác lớn hơn xăng-ti-mét vg</p> <p><b>*Ôn tập về xăng-ti-mét vuông:</b></p> <p>- Y/c HS: vẽ 1 hình vuông có diện tích <math>1\text{cm}^2</math>.</p> <p>- GV: Ktra HS, sau đó hỏi: <math>1\text{cm}^2</math> là diện tích của hình vg có cạnh là bn xăng-ti-mét?</p> <p><b>*Ghiệu đề-xi-mét vuông:</b></p> <p><b>a. Ghiệu đề-xi-mét vuông:</b></p> <p>- GV treo h.vg <math>S=1\text{dm}^2</math> &amp; ghiệu: Để đo d/tích các hình, người ta còn dùng đv là đề-xi-mét vg.</p> <p>- Ghiệu: Hình vg trên bảng có diện tích là <math>1\text{dm}^2</math>.</p> <p>- GV: Y/c HS th/h đo cạnh của hình vg.</p> <p>=&gt; <math>1\text{dm}^2</math> chính là d/tích of hình vg có cạnh dài 1dm.</p> <p>- Hỏi: Xăng-ti-mét vg viết kí hiệu ntn?</p> <p>+ Dựa vào cách kí hiệu xăng-ti-mét vg, nêu cách kí hiệu của đề-xi-mét vg?</p> <p>- GV: Đề-xi-mét vg viết kí hiệu là <math>\text{dm}^2</math>.</p> <p>- GV: Viết các số đo diện tích: <math>2\text{cm}^2</math>, <math>3\text{dm}^2</math>, <math>24\text{dm}^2</math> &amp; y/c HS đọc các số đo này.</p> <p><b>b. Mqhệ giữa xăng-ti-mét vuông &amp; đề-xi-mét vuông:</b></p> <p>- GV nêu bài toán: Hãy tính diện tích của hình vg có cạnh dài 10cm?</p> <p>- Hỏi: 10cm bằng bn đề-xi-mét?</p> <p>- GV: Vây hình vg cạnh 10cm có diện tích bằng diện tích hình vg cạnh 1dm.</p> <p>- Hỏi: Hình vg cạnh 10cm có diện tích là bn?</p> <p>+ Hình vg có cạnh 1dm có diện tích là bn?</p> <p>- GV: Vây <math>100\text{cm}^2 = 1\text{dm}^2</math></p> <p>- Y/c HS qsát hvẽ để thấy hình vg có diện tích <math>1\text{dm}^2</math> bằng 100 hình vuông có diện tích <math>1\text{cm}^2</math> xếp lại.</p> <p>- GV: Y/c HS vẽ hình vuông có diện tích <math>1\text{dm}^2</math>.</p>	<p>- HS: Nhắc lại đề bài.</p> <p>- HS: Vẽ ra giấy kẻ ô.</p> <p>- HS: <math>1\text{cm}^2</math> là diện tích của hình vg có cạnh dài 1cm.</p> <p>- cạnh của hình vg là 1dm.</p> <p>- Xăng-ti-mét vg kí hiệu là <math>\text{cm}^2</math>.</p> <p>- Nêu: Là kí hiệu của đề-xi-mét viết thêm số 2 ở phía trên, bên phải (<math>\text{dm}^2</math>).</p> <p>- HS: Đọc.</p> <p>- HS: Tính &amp; nêu: <math>10\text{ cm} \times 10\text{ cm} = 100\text{cm}^2</math>.</p> <p>- <math>10\text{ cm} = 1\text{ dm}</math>.</p> <p>- Là <math>100\text{ cm}^2</math>.</p> <p>- Là <math>1\text{dm}^2</math>.</p> <p>- HS đọc: <math>100\text{ cm}^2 = 1\text{dm}^2</math>.</p> <p>- HS: Vẽ vào giấy có kẻ sẵn các ô vuông <math>1\text{cm} \times 1\text{cm}</math>.</p>
<p><b>*Luyện tập, thực hành:</b></p> <p><b>Bài 1:</b></p> <p><math>32\text{dm}^2</math> ; <math>911\text{dm}^2</math> ; <math>1952\text{dm}^2</math> ; <math>492\text{ 000dm}^2</math></p> <p>- GV: Viết các số đo diện tích có trong bài &amp; 1 số các số đo khác, chỉ định HS đọc.</p>	<p>- HS: Th/hành đọc các số đo diện tích có đv là đề-xi-mét vg.</p> <p><math>32\text{dm}^2 =</math> Ba mươi hai đề-xi-mét vuông.</p> <p><math>911\text{dm}^2 =</math> Chín trăm mười một đề-xi-mét vuông.</p> <p><math>1952\text{dm}^2 =</math> Một nghìn chín trăm năm mươi hai đề-xi-mét vuông.</p>

<p><b>Bài 2:</b> - GV: Lần lượt đọc các số đo diện tích có trg bài &amp; các số đo khác, y/c HS viết theo thứ tự đọc. - GV: Chữa bài.</p> <p style="text-align: center;"><b>ĐỌC</b></p> <p><b>+Một trăm linh hai đề-xi-mét vuông.</b> <b>+Tám trăm mười hai đề-xi-mét vuông.</b> <b>+Một nghìn chín trăm sáu mươi chín đề-xi-mét vuông</b> <b>+Hai nghìn tám trăm mười hai đề-xi-mét vuông.</b></p> <p><b>Bài 3:</b> - GV: Y/c HS tự điền cột điền trg bài. - GV: Viết <math>48dm^2 = \dots\dots cm^2</math> - GV: Y/c HS điền số th/hợp vào chỗ trống. - Hỏi: Vì sao em điền đc như vậy? - GV: Nhắc lại cách đổi: Vì đề-xi-mét vg gấp 100 lần xăng-ti-mét vg nên khi th/h đổi đvị diện tích từ đề-xi-mét vg ra đvị diện tích xăng-ti-mét vg ta nhân số đo đề-xi-mét vg với 100 (thêm 2 số 0 vào bên phải số đo có đvị là đề-xi-mét vg). - GV: Viết <math>2000 cm^2 = \dots dm^2</math>. - Y/c HS suy nghĩ tìm số th/h điền vào chỗ trống. - Hỏi: Vì sao em điền đc như vậy? - GV: Nhắc lại cách đổi (tg tự như trên). - GV: Y/c HS tự làm phần còn lại của BT.</p> <p><b>3) Củng cố-dặn dò:</b> - GV: Nxét tiết học. - Dặn dò: <math>\triangle</math> Làm BT &amp; CBB sau.</p>	<p><b>492 000dm<sup>2</sup> = Bốn trăm chín mươi hai nghìn đề-xi-mét vuông.</b></p> <p>- 2HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - HS: Nxét bài làm của bạn &amp; đổi chéo vở để ktra.</p> <p style="text-align: center;"><b>VIẾT</b></p> <p><b>+ 102dm<sup>2</sup></b> <b>+ 812dm<sup>2</sup></b> <b>+ 1969dm<sup>2</sup></b> <b>+ 2812dm<sup>2</sup></b> - HS: Tự điền vào VBT.</p> <p>- HS: Điền: <math>48 dm^2 = 4800 cm^2</math>. - HS nêu: <math>1dm^2 = 100 cm^2</math>. Nhẩm <math>48 \times 100 = 4800</math>. Vậy <math>48 dm^2 = 4800 cm^2</math>. - HS: Nghe giảng.</p> <p>- HS: Điền &amp; nêu theo y/c. <b>2000 cm<sup>2</sup> = 20dm<sup>2</sup>.</b> <b>1dm<sup>2</sup> = 100cm<sup>2</sup> ; 100cm<sup>2</sup> = 1dm<sup>2</sup></b> <b>1997dm<sup>2</sup> = 199700cm<sup>2</sup></b> <b>9900cm<sup>2</sup> = 99dm<sup>2</sup>.</b></p>
--	--

**Tuần 11 – Tiết 5**

**Toàùn : MÉT VUÔNG**

**I.MỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Biết mét vuông là đơn vị đo diện tích ; đọc, viết được “mét vuông”, “m<sup>2</sup>”.
- Biết được  $1m^2 = 1000dm^2$ . bước đầu biết chuyển đổi từ m<sup>2</sup> sang dm<sup>2</sup>, cm<sup>2</sup>.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** GV vẽ sẵn trên bảng hình vg có diện tích 1m<sup>2</sup> đc chia thành 100 ô vg nhỏ, mỗi ô vg có diện tích là 1dm<sup>2</sup>.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1)KTBC:</b> - GV: Gọi 3HS lên sửa BT lập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.</p>	<p>- 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn.</p>

<p>- GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm.</p> <p><b>2)Day-học bài mới:</b></p> <p><b>*Ghiệu:</b> Giờ toán hôm nay các em sẽ đc làm quen với 1 đvị đo d/tích khác, lớn hơn các đvị đo d/tích đã học, đó là mét vg.</p> <p><b>*Ghiệu mét vuông (m<sup>2</sup>):</b></p> <p>a/ Ghiệu mét vuông (m<sup>2</sup>):</p> <p>- GV: Treo bảng hvg có S=1m<sup>2</sup> đc chia thành 100 hvg nhỏ, mỗi hình có S=1dm<sup>2</sup>.</p> <p>- Y/c HS xét hvg trên bảng:</p> <p>+ Hình vuông lớn có cạnh dài bao nhiêu? Hình vuông nhỏ có độ dài bao nhiêu?</p> <p>+ Cạnh của hình vuông lớn gấp mấy lần cạnh hình vuông nhỏ?</p> <p>+ Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là bao nhiêu?</p> <p>+ Hình vuông lớn bằng bn hvg nhỏ ghép lại?</p> <p>+ Vậy diện tích hvg lớn bằng bn?</p> <p>- Nêu: Vậy hvg cạnh dài 1m có diện tích bằng tổng diện tích của 100 hvg nhỏ có cạnh dài 1dm.</p> <p>- Ngoài đvị đo diện tích là cm<sup>2</sup> &amp; dm<sup>2</sup> người ta còn dùng đvị đo diện tích là mét vg. Mét vg là diện tích của hvg có cạnh dài 1m. Mét vg viết tắt là m<sup>2</sup>.</p> <p>- Hỏi: 1m<sup>2</sup> bằng bn đề-xi-mét vg?</p> <p>- Ghi: <math>1m^2 = 100 dm^2</math>.</p> <p>- Hỏi: + 1dm<sup>2</sup> bằng bn xăng-ti-mét vg?</p> <p>+ Vậy 1m<sup>2</sup> bằng bn xăng-ti-mét vg?</p> <p>- Ghi: <math>1m^2 = 10\ 000 cm^2</math>.</p> <p>- GV: Y/c HS nêu lại mqhệ giữa mét vg với đề-xi-mét vg &amp; với xăng-ti-mét vg.</p>	<p>- HS: Nhắc lại đề bài.</p> <p>- HS: Qsát hình.</p> <p>- Là 1m (10dm). - Là 1dm.</p> <p>- Gấp 10 lần.</p> <p>- Là 1dm<sup>2</sup>.</p> <p>- Bằng 100 hình.</p> <p>- Bằng 100dm<sup>2</sup>.</p> <p>- 1m<sup>2</sup> = 100 dm<sup>2</sup></p> <p>- HS : Nêu lại.</p> <p>- 1m<sup>2</sup> = 100 dm<sup>2</sup></p> <p>- 1m<sup>2</sup> = 10 000 cm<sup>2</sup>.</p> <p>- HS: Nêu lại.</p> <p>- HS: Làm bài vào VBT, sau đó đổi chéo vở ktra nhau.</p>
<p><b>*Luyện tập, thực hành:</b></p> <p><b>Bài 1:</b> - GV: BT y/c đọc &amp; viết các số đo diện tích theo mét vg, khi viết kí hiệu mét vg (m<sup>2</sup>) chú ý viết số 2 ở phía trên, bên phải của kí hiệu mét (m).</p> <p>- Y/c HS tự làm bài.</p> <p>- GV: Gọi 5HS lên bảng nghe GV đọc các số đo diện tích theo mét vg &amp; viết.</p> <p>- GV: Chỉ bảng, y/c HS đọc lại các số đo vừa viết.</p> <p><b>Bài 2:</b> - GV: Y/c HS tự làm.</p> <p>- GV: Y/c HS gthích cách điền số ở cột bên phải của bài: + Vì sao em điền đc: 100 dm<sup>2</sup> = 1m<sup>2</sup>.</p> <p>- GV: Nhắc lại cách đổi này.</p> <p>- Hỏi tg tự với các tr/h còn lại.</p> <p><b>Bài 3:</b> - GV: Y/c HS đọc đề.</p>	<p>- HS: Viết.</p> <p>- 2HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p> <p>- HS: Nêu theo y/c.</p> <p>- HS: Gthích.</p> <p>- HS: Đọc đề.</p> <p><math>1m^2 = 100dm^2</math> ; <math>1m^2 = 10\ 000cm^2</math>.</p> <p><math>10\ 000cm^2 = 1m^2</math>.</p>

<p>- GV: Hướng HS yếu làm BT:                  + Người ta dùng hết bn viên gạch để lát nền phòng                  + Vậy d/tích phòng chính là d/tích of bn viên gạch                  + Mỗi viên gạch có diện tích là bn?                  + Vậy diện tích của căn phòng là bn mét vg?                  - GV: Y/c HS tr/b bài giải.                  - GV: Nxét &amp; cho điểm HS.  <b>3)Củng cố-dẫn dò:</b>                  - GV:Tổng kết giờ học, dặn HS <math>\Delta</math> làm BT &amp; CBB.</p>	<p>- Hết 200 viên gạch.                  - Là diện tích của 200 viên gạch.                  - HS: Tính &amp; nêu.</p>
---	---

**Tổ trưởng kiểm tra**

**Ban giám hiệu**  
(Duyệt)

**Tuần 12 – Tiết 1**

**Toàùn : NHÂN MỘT SỐ VỚI MỘT TỔNG**

**I.MỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Biết thực hiện phép nhân một số với một tổng, nhân một tổng với một số.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Bp kẻ sẵn nội dung BT1.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) KTBC:</b>                  - GV: Gọi 3HS lên sửa BT Itập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.                  - GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm.</p> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b>  <b>*Ghiệu:</b> GV nêu mtiêu giờ học &amp; ghi bảng đề bài.  <b>*Tính &amp; so sánh trị của 2 b/thức:</b>                  - Viết lên bảng 2 b/thức: <math>4 \times (3 + 5)</math> &amp; <math>4 \times 3 + 4 \times 5</math>                  - GV: Y/c HS tính trị 2 b/thức.                  - Hỏi: Trị 2 b/thức này ntn?                  - Nêu: Ta có: <math>4 \times (3 + 5) = 4 \times 3 + 4 \times 5</math>.</p>	<p>- 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</p> <p>- HS: Nhắc lại đề bài.</p> <p>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm nháp.                  - Trị 2 b/thức này bằng nhau.</p>
<p><b>*Quy tắc một số nhân với một tổng:</b>                  - GV: Chỉ vào b/thức: <math>4 \times (3 + 5)</math> &amp; nêu: 4 là 1 số, <math>(3+5)</math> là 1 tổng. Vậy b/thức <math>4 \times (3 + 5)</math> có dạng tích của 1 số nhân với 1 tổng.                  - Y/c HS: Đọc b/thức phía bên phải dấu (=) &amp; nêu: Tích <math>4 \times 3</math> chính là tích của số thứ nhất trg b/thức <math>4 \times (3+5)</math> nhân với 1 số hạng của tổng <math>(3 + 5)</math>. Tích thứ hai <math>4 \times 5</math> cũng là tích của số thứ nhất trg b/thức <math>4 \times (3+5)</math> nhân với số hạng còn lại của tổng <math>(3+5)</math>. Như vậy, b/thức <math>4 \times 3 + 4 \times 5</math> chính là tổng của các tích giữa số thứ nhất trg b/thức <math>4 \times (3 + 5)</math> với các số hạng khác của tổng <math>(3+5)</math>.</p>	<p>- Lấy số đó nhân với từng số hạng của tổng rồi cộng các kquả lại với nhau.</p>



<p>- Khi th/h nhân 1 số với 1 tổng ta có thể làm thế nào</p> <p>- GV: + Gọi số đó là <math>a</math>, tổng là <math>(b+c)</math>, hãy viết b/thức <math>a</math> nhân với tổng <math>(b+c)</math>?</p> <p>+ B/thức <math>a \times (b+c)</math> có dạng là 1 số nhân với 1 tổng, khi th/h tính giá trị b/thức này ta còn có cách nào? Hãy viết b/thức đó?</p> <p>- Nêu: <math>a \times (b+c) = a \times b + a \times c</math>.</p> <p>- Y/c HS: Nêu lại quy tắc này.</p> <p><b>*Luyện tập-thực hành:</b></p> <p><b>Bài 1:</b></p> <p>- Hỏi: BT y/c ta làm gì?</p> <p>- GV: Treo Bp đã chép &amp; y/c HS đọc nd các cột.</p> <p>- Hỏi: Ta phải tính giá trị của các b/thức nào?</p> <p>- GV: Y/c HS tự làm bài. GV chữa bài.</p> <p>- Hỏi củng cố lại quy tắc 1 số nhân 1 tổng: Nếu <math>a=4</math>, <math>b=5</math>, <math>c=2</math> thì giá trị của 2 b/thức:</p> <p style="text-align: center;"><math>a \times (b+c)</math> &amp; <math>a \times b + a \times c</math></p> <p>- Hỏi tự với các tr/h còn lại.</p> <p>- Hỏi: Như vậy giá trị của 2 b/thức <math>a \times (b+c)</math> &amp; <math>a \times b + a \times c</math> luôn ntn với nhau khi thay các chữ <math>a, b, c</math> bằng cùng 1 bộ số?</p> <p><b>Bài 2:</b> - Hỏi: BT <math>a</math> y/c ta làm gì?</p> <p>- Hướng: Hãy áp dụng quy tắc 1 số nhân 1 tổng,</p> <p>- GV: Y/c HS tự làm bài.</p> <p>- Hỏi: Trg 2 cách tính này cách nào thuận tiện hơn?</p> <p>- Ghi: <math>38 \times 6 + 38 \times 4</math>, y/c: Tính giá trị b/thức theo 2 cách.</p> <p>- GV: Giảng cách làm thứ 2: B/thức <math>38 \times 6 + 38 \times 4</math> có dạng là tổng của 2 tích. 2 tích này có chung 1 thừa số là <math>38</math>, nên ta đưa b/thức về dạng 1 số (là thừa số chung của 2 tích) nhân với tổng của các thừa số khác nhau của tích.</p> <p>- GV: Y/c HS làm tiếp.</p> <p><b>a) <math>36 \times (7 + 3)</math></b></p> <p><b>b) <math>5 \times 38 + 5 \times 62</math></b></p> <p>- Hỏi: Trong 2 cách này, cách nào thuận tiện hơn?</p> <p>- GV: Xét &amp; cho điểm HS.</p> <p><b>Bài 3:</b> - GV: Y/c HS tính giá trị 2 b/thức trong bài.</p> <p>- Hỏi: + Giá trị 2 b/thức ntn so với nhau?</p> <p>+ B/thức thứ nhất, thứ hai có dạng ntn?</p> <p>+ Có xét gì về các thừa số của các tích trg b/thức thứ 2</p>	<p>- Viết: <math>a \times (b+c)</math></p> <p>- Viết: <math>a \times b + a \times c</math></p> <p>- HS: Viết &amp; đọc lại CT bên.</p> <p>- HS: Nêu như phần bài học SGK.</p> <p>- HS: Nêu y/c.</p> <p>- HS: Đọc thầm.</p> <p>- Bthức <math>a \times (b+c)</math> &amp; b/thức <math>a \times b + a \times c</math>.</p> <p>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p> <p>- HS: Nêu theo y/c.</p> <p>- Luôn bằng nhau.</p> <p>- HS: Nêu y/c.</p> <p>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p> <p>- Cách 1 vì tính tổng đơn giản, sau đó nhân nhẩm đc.</p> <p>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p> <p>- 2HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p> <p><b>a) Cách 1: <math>36 \times (7 + 3) = 36 \times 7 + 36 \times 3 = 252 + 108 = 360</math>.</b></p> <p><b>Cách 2: <math>36 \times (7 + 3) = 36 \times 10 = 360</math>.</b></p> <p><b>b) Cách 1: <math>5 \times 38 + 5 \times 62 = 190 + 310 = 500</math>.</b></p> <p><b>Cách 2: <math>5 \times (38 + 62) = 5 \times 100 = 500</math>.</b></p> <p>- Cách 2 vì ...</p> <p>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p> <p>- HS: Trả lời theo y/c.</p>
---	--

<p>so với các số trng b/thức thứ nhất? + Khi th/h nhân 1 tổng với 1 số ta có thể làm thế nào - GV: Y/c HS ghi nhớ quy tắc nhân 1 tổng với 1 số.</p> <p><b>3) Củng cố-dặn dò:</b> - Hỏi: Củng cố bài. - GV: Tổng kết giờ học, dặn HS <math>\Delta</math> làm BT &amp; CBB.</p>	<p>- Lấy từng số hạng của tổng nhân với số đó rồi cộng các kquả với nhau.</p>
---	---

**Tuần 12 – Tiết 2**

**Toàùn : MỘT SỐ NHÂN VỚI MỘT HIỆU**

**I.MỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Biết cách th/h nhân một số với một hiệu, một hiệu với một số.
- Áp dụng nhân một số với một hiệu, một hiệu với một số để tính nhẩm, tính nhanh.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Bp kẻ sẵn nd BT1/ 67-SGK.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
-------------------------	------------------------

<p><b>1) KTBC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Gọi 3HS lên sửa BT tập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.</li> <li>- GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm.</li> </ul> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Giới thiệu:</b> GV nêu mtiêu giờ học &amp; ghi bảng đề bài.</p> <p><b>*Tính &amp; so sánh gtrị của 2 b/thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết lên bảng 2 b/thức: <math>3 \times (7 - 5)</math> &amp; <math>3 \times 7 - 3 \times 5</math></li> <li>- GV: Y/c HS tính gtrị 2 b/thức.</li> <li>- Hỏi: Gtrị 2 b/thức này ntn?</li> <li>- Nêu: Ta có: <math>3 \times (7 - 5) = 3 \times 7 - 3 \times 5</math>.</li> </ul> <p><b>*Quy tắc một số nhân với một tổng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Chỉ vào b/thức: <math>3 \times (7 - 5)</math> &amp; nêu: 3 là 1 số, (7-5) là 1 hiệu. Vậy b/thức <math>3 \times (7 - 5)</math> có dạng tích của 1 số nhân với 1 hiệu.</li> <li>- Y/c HS: Đọc b/thức phía bên phải dấu (=) &amp; nêu: Tích <math>3 \times 7</math> chính là tích của số thứ nhất trng b/thức <math>3 \times (7 - 5)</math> nhân với 1 số bị trừ của hiệu (7-5). Tích thứ hai <math>7 \times 5</math> cũng là tích của số thứ nhất trng b/thức <math>7 \times (7 - 5)</math> nhân với số trừ của hiệu (7-5). Như vậy, b/thức <math>3 \times 7 - 3 \times 5</math> chính là hiệu của tích giữa số thứ nhất trng b/thức <math>3 \times (7 - 5)</math> trừ đi tích của số này với số trừ của hiệu (7-5).</li> <li>- Khi th/h nhân 1 số với 1 hiệu ta có thể làm thế nào</li> <li>- GV: + Gọi số đó là <math>a</math>, hiệu là <math>(b - c)</math>, hãy viết b/thức <math>a</math> nhân với hiệu <math>(b - c)</math>?</li> <li>+ B/thức <math>a \times (b - c)</math> có dạng là 1 số nhân với 1 hiệu, khi th/h tính gtrị b/thức này ta còn có cách nào khác? Hãy viết b/thức đó?</li> <li>- Nêu: <math>a \times (b - c) = a \times b - a \times c</math>.</li> <li>- Y/c HS: Nêu lại quy tắc này.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</li> <li>- HS: Nhắc lại đề bài.</li> <li>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm nháp.</li> <li>- Gtrị 2 b/thức này bằng nhau.</li> <li>-</li> <li>- Lần lượt nhân số đó với số bị trừ &amp; số trừ, rồi trừ hai kquả lại cho nhau.</li> <li>- Viết: <math>a \times (b - c)</math></li> <li>- Viết: <math>a \times b - a \times c</math></li> <li>- HS: Viết &amp; đọc lại CT bên.</li> <li>- HS: Nêu như phần bài học SGK.</li> </ul>
<p><b>*Luyện tập-thực hành:</b></p> <p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi: BT y/c ta làm gì?</li> <li>- GV: Treo Bp đã chệ &amp; y/c HS đọc nd các cột.</li> <li>- Hỏi: Ta phải tính gtrị của các b/thức nào?</li> <li>- GV: Y/c HS tự làm bài.</li> <li>- GV chữa bài.</li> <li>- Hỏi củng cố lại quy tắc 1 số nhân 1 hiệu</li> <li>- Hỏi: Như vậy gtrị của 2 b/thức <math>a \times (b - c)</math> &amp; <math>a \times b - a \times c</math> luôn ntn với nhau khi thay các chữ <math>a, b, c</math> bằng cùng 1 bộ số?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS: Nêu y/c.</li> <li>- HS: Đọc thầm.</li> <li>- Bthức <math>a \times (b - c)</math> &amp; b/thức <math>a \times b - a \times c</math>.</li> <li>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</li> <li>- HS: Nêu theo y/c.</li> </ul>

<p><b>Bài 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: y/c HS đọc đề.</li> <li>- Hỏi: + Bài toán y/c ta làm gì?</li> <li>+ Muốn biết cửa hàng còn lại bn quả trứng ta phải biết đc gì?</li> <li>- Kh/định 2 cách đều đúng &amp; gthích thêm về cách 2</li> <li>- GV: Y/c HS tự làm bài.</li> <li>- Y/c xét 2 cách làm &amp; rút ra cách thuận tiện hơn?</li> </ul> <p><b>Bài 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Y/c HS tính gtrị 2 b/thức trg bài.</li> <li>- Hỏi: + Gtrị 2 b/thức ntn so với nhau?</li> <li>+ B/thức thứ nhất, thứ hai có dạng ntn?</li> <li>+ Có xét gì về các thừa số của các tích trg b/thức thứ 2 so với các số trg b/thức thứ nhất?</li> <li>+ Khi th/h nhân 1hiệu với 1số ta có thể làm thế nào</li> <li>- GV: Y/c HS ghi nhớ quy tắc nhân 1 hiệu với 1 số.</li> </ul> <p><b>3) Củng cố-dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi: Củng cố bài.</li> <li>- GV: Tổng kết giờ học, dặn HS <math>\Delta</math> làm BT &amp; CBB.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</li> <li>- HS: nêu y/c.</li> <li>- Tìm số trứng cửa hàng còn lại sau khi bán.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS: Nêu theo y/c.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2HS lên bảng làm, mỗi em làm 1 cách, cả lớp làm VBT.</li> <li>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</li> <li>- HS: TLCH.</li> </ul>
--	---

**Tuần 12 – Tiết 3**

**Toàùn : LUYỆN TẬP**

**I.MỤC TIÊU:** Giúp HS củng cố về:

- Vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân, nhân một số với một tổng (hiệu) trong thực hành tính, tính nhanh.

**II.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1)KTBC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Gọi 3HS lên sửa BT Itập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.</li> <li>- GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm HS.</li> </ul> <p><b>2)Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Gthiệu:</b> GV nêu mtiêu giừo học &amp; ghi đề bài.</p> <p><b>*Hướng dẫn luyện tập:</b></p> <p><b>Bài 1(dòng 1):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Nêu y/c của BT, sau đó cho HS tự làm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS áp dụng tính chất 1số nhân 1 tổng (1 hiệu) để tính. 2HS lên bảng làm, lớp làm VBT.</li> </ul>

<p>a) <math>135 \times (20 + 3)</math>  b) <math>642 \times (30 - 6)</math>  - GV: Nxét &amp; cho điểm HS.</p> <p><b>Bài 2:</b>  - Hỏi: BT <math>a</math> y/c ta làm gì?  - Viết: <math>134 \times 4 \times 5</math>.  - Y/c HS th/h tính gtrị b/thức bằng cách thuận tiện.  - Hỏi: Cách làm này thuận tiện hơn cách làm thông thường ở điểm nào?  - GV: Y/c HS tự làm các phần còn lại.  - GV: Chữa bài &amp; y/c HS đổi chéo vở ktra nhau.  - GV: Th/h tg tự với phần <math>b</math>.  - Hỏi: Ta đã áp dụng t/chất nào để tính gtrị của b/thức này?  - Y/c HS nêu lại t/chất.  - Y/c HS làm tiếp các bài còn lại.  - GV: Nxét &amp; cho điểm HS.</p> <p><b>Bài 3:</b> - GV: Y/c HS áp dụng t/chất nhân 1 số với 1 tổng (hoặc 1 hiệu) để th/h tính  - GV: Sửa bài &amp; cho điểm HS.</p> <p><b>Bài 4:</b> - GV: Y/c HS đọc đề.  - GV: Y/c HS tự làm bài.  - GV: Nxét &amp; cho điểm HS.</p> <p><b>3)Củng cố-dẫn dò:</b>  - GV: T/kết giờ học, dặn : <math>\Delta</math> Làm BT &amp; CBB sau.</p>	<p>a) <math>135 \times (20 + 3) = 135 \times 23 = 3105</math>  b) <math>642 \times (30 - 6) = 642 \times 24 = 15\ 408</math></p> <p>- HS: Nêu y/c.  <b>a) <math>134 \times 4 \times 5 = 134 \times 20 = 2\ 680</math></b></p> <p>- HS th/h tính.  - Vì tích 1 là tích trg bảng còn tích 2 có thể nhắm đc.  - 2HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.  <b>a) <math>5 \times 36 \times 2 = 36 \times 10 = 360</math>.</b>  <math>42 \times 2 \times 7 \times 5 = 42 \times 10 \times 7 = 420 \times 7 = 2\ 940</math>.  <b>b) <math>137 \times 3 + 137 \times 97 = 137 \times (3 + 97)</math></b>  <math>= 137 \times 100 = 13\ 700</math>.  <math>428 \times 12 - 428 \times 2 = 428 \times (12 - 2)</math>  <math>= 428 \times 10 = 4\ 280</math>.</p> <p>- Tiện hơn vì tính tổng là số tròn trăm rồi nhân nhắm đc =&gt; t/ch 1 số nhân 1 tổng.</p> <p>- 1HS nêu, cả lớp theo dõi &amp; nxét.  - 2HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.  - HS: Đổi chéo vở ktra nhau.  - 3HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.  - HS: Đổi chéo vở ktra nhau.</p> <p>- 1HS đọc đề.  - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p>
--	---

--	--

**Tuần 12 – Tiết 4**

**Toàn : NHÂN VỚI SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ**

**I.MỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Biết cách nhân với số có hai chữ số.
- Biết giải bài toán liên quan đến phép nhân với số có hai chữ số.

**II.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1)KTBC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Gọi 2HS lên y/c làm BT tập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.</li> <li>- GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm HS.</li> </ul> <p><b>2)Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Ghiệu:</b> Bài học hôm nay sẽ giúp các em biết cách th/h phép nhân với số có hai chữ số.</p> <p><b>*Phép nhân 36 x 23</b></p> <p><b>a. Đi tìm kết quả:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Viết phép nhân: <math>36 \times 23</math>.</li> <li>- GV: Y/c HS áp dụng t/ch 1 số nhân 1 tổng để tính.</li> <li>- Vậy <math>36 \times 23</math> bằng bn?</li> </ul> <p><b>b. Hướng đặt tính &amp; tính:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu vdề: Để tính <math>36 \times 23</math>, theo cách tính trên ta phải th/h 2 phép nhân là <math>36 \times 20</math> &amp; <math>36 \times 3</math>, sau đó th/h 1 phép tính cộng <math>720 + 108</math>, nên rất mất công. Để tránh th/h nhiều bc tính, ta tiến hành đặt tính &amp; th/h tính nhân theo cột dọc. Dựa vào cách đặt tính nhân với số có 1 chữ số hãy đặt tính <math>36 \times 23</math>.</li> <li>- Nêu cách đặt tính đúng: Viết <math>36</math> rồi viết <math>23</math> xg dưới sao cho hàng đvị thẳng hàng đvị, hàng chục thẳng hàng chục, viết dấu nhân rồi kẻ gạch ngang.</li> <li>- Hướng th/h phép nhân:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</li> <li>- HS: Nhắc lại đề bài.</li> <li>- HS tính: <math>36 \times 23 = 36 \times (20+3)</math> <math>= 36 \times 20 + 36 \times 3 = 720 + 108 = 828</math></li> <li>- Bằng 828.</li> <li>- 1HS lên bảng đặt tính, cả lớp đặt tính vào nháp.</li> <li>- HS: Đặt tính lại theo hướng dẫn.</li> <li>- HS: Theo dõi GV th/h phép nhân.</li> </ul>
<p style="text-align: center;">36                    * Lần lượt nhân từng chữ số của 23 với 36 theo thứ tự từ phải sang trái:</p> <p style="text-align: center;">x 23                - 3 nhân 6 bằng 18, viết 8 nhớ 1; 3 nhân 3 bằng 9, thêm 1 bằng 10, viết 10.</p> <p style="text-align: center;">108                - 2 nhân 6 bằng 12, viết 2 (dưới 0) nhớ 1; 2 nhân 3 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.</p> <p style="text-align: center;">72                    *Th/h cộng hai tích vừa tìm được với nhau:</p> <p style="text-align: center;">828                - hạ 8; 0 cộng 2 bằng 2, viết 2; 1 cộng 7 bằng 8, viết 8.</p> <p style="text-align: center;">                          *Vậy: <math>36 \times 23 = 828</math></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV ghiệu: + 108 gọi là tích riêng thứ nhất.</li> <li>+ 72 gọi là tích riêng thứ hai. tích riêng thứ hai đc viết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS: nêu các bc như trên.</li> </ul>

<p>lùi sang bên trái 1 cột vì nó là 72 chục, nếu viết đầy đủ phải là 720.</p> <p>- GV: Y/c HS đặt tính &amp; th/h lại phép nhân <math>36 \times 23</math>.</p> <p>- GV: Y/c HS nêu lại từng bc nhân.</p> <p><b>*Luyện tập-thực hành:</b></p> <p><b>Bài 1:</b> - Hỏi: BT y/c ta làm gì?</p> <p>- GV: Các phép tính trg bài đều là các phép nhân với số có hai chữ số, ta th/h tg tự như với phép nhân <math>36 \times 23</math>.</p> <p>- GV: Chữa bài &amp; y/c HS nêu cách tính của từng phép nhân.</p> <p><b>Bài 2:</b> - Hỏi: BT y/c ta làm gì?</p> <p>+ Ta phải tính gtrj của b/thức <math>45 \times a</math> với những gtrj nào của <math>a</math>?</p> <p>+ Muốn tính gtrj b/thức <math>45 \times a</math> với <math>a=13</math> ta làm ntn?</p> <p>- GV: Y/c HS làm bài, nhắc HS đặt tính ra nháp.</p>	<p>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm vào nháp.</p> <p>- HS: Nêu như SGK.</p> <p>- HS: Nêu y/c.</p> <p>- 4HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p> <p>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p> <p>- HS: Nêu y/c.</p> <p>- HS: TLCH.</p> <p>- Thay chữ bằng số, sau đó th/h phép nhân.</p> <p>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p>
<p>+ Với <math>a = 13</math> thì <math>45 \times a = 45 \times 13 = 585</math></p> <p>+ Với <math>a = 13</math> thì <math>45 \times a = 45 \times 13 = 585</math></p> <p>+ Với <math>a = 13</math> thì <math>45 \times a = 45 \times 13 = 585</math></p>	
<p>- GV: Nxét &amp; cho điểm HS.</p> <p><b>Bài 3:</b> - GV: Y/c HS đọc đề rồi tự làm BT.</p> <p>- GV: Chữa bài trc lớp.</p> <p><b>3)Củng cố-dặn dò:</b></p> <p>- GV: T/kết giờ học, dặn : <math>\Delta</math> Làm BT &amp; CBB sau.</p>	<p>- HS: Đọc đề.</p> <p>- HS làm bài, sau đó đổi chéo vở để ktra nhau.</p>

**Tuần 12 – Tiết 5**

**Toàùn : LUYỆN TẬP**

**I.MỤC TIÊU:** Giúp HS củng cố về:

- Thực hiện được nhân với số có hai chữ số.
- Vận dụng được vào giải bài toán có phép nhân với số có hai chữ số.

**II.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) KTBC:</b></p> <p>- GV: Gọi 2HS lên sửa BT tập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.</p> <p>- GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm HS.</p> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Ghiệu:</b> GV nêu mtiêu giờ học &amp; ghi đề bài.</p>	<p>- 2HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</p>

<p><b>*Hướng dẫn luyện tập:</b></p> <p><b>Bài 1:</b> - GV: Y/c HS tự đặt tính rồi tính. - GV: Chữa bài, khi chữa bài y/c HS vừa lên bảng lần lượt nêu rõ cách tính của mình. - GV: Nxét &amp; cho điểm HS.</p> <p><b>Bài 2:</b> - GV: Kẻ bảng số như BT lên bảng, y/c HS nêu nd của từng dòng trg bảng. - Hỏi: + Làm thế nào để tìm đc số điền vào ô trống trg bảng. + Điền số nào vào ô trống thứ nhất? - GV: Y/c HS tự làm các phần còn lại.</p> <p><b>Bài 3:</b> - GV: Gọi 1 HS đọc đề bài. - GV: Y/c HS tự làm bài. - GV: Nxét &amp; cho điểm HS.</p> <p><b>Bài 4:</b> - GV: Y/c HS đọc đề sau đó tự làm. - GV: Chữa bài &amp; cho điểm HS.</p> <p><b>Bài 5:</b> Th/h tg tự BT 4.</p> <p><b>3) Củng cố-dặn dò:</b></p> <p>- GV: T/kết giờ học, dặn : <math>\triangle</math> Làm BT &amp; CBB sau.</p>	<p>- 3HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - HS: Nêu cách tính.  - HS: Nêu theo y/c. - HS: TLCH.  - HS: Th/h điền. - HS: Làm bài rồi đổi chéo vở ktra nhau. - HS: Nêu y/c. - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.  - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p>
---	---



**Tuần 13**

(Từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....)

**Tiết 1 - Toàùn : GIỚI THIỆU NHÂN NHẨM SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI 11**

**I.MỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Biết cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11.

**II.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG HỌC SINH	BỔ SUNG
<p><b>1) KTBC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Gọi 3HS lên sửa BT tập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.</li> <li>- GV: Sửa bài, xét HS.</li> </ul> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Giới thiệu:</b> Giờ toán hôm nay các em biết cách th/h nhân nhẩm số có hai chữ số với 11.</p> <p><b>*Phép nhân <math>27 \times 11</math> (tr/h tổng hai chữ số bé hơn 10):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết <math>27 \times 11</math> &amp; y/c HS đặt tính &amp; tính.</li> <li>- Hỏi:+ Có xét gì về 2 tích riêng of phép nhân này + Hãy nêu rõ bc th/h cộng 2 tích riêng của phép nhân <math>27 \times 11</math>.</li> <li>- GV: Như vậy, khi cộng hai tích riêng của phép nhân <math>27 \times 11</math> với nhau ta chỉ cần cộng 2 chữ số của <math>27(2+7=9)</math> rồi viết 9 vào giữa hai chữ số của 27.</li> <li>- Hỏi: Có xét gì về kquả của phép nhân <math>27 \times 11=297</math> so với số 27. Các chữ số giống &amp; khác nhau ở điểm nào?</li> <li>- Vậy ta có cách nhân nhẩm 27 với 11 như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• <math>2 + 7 = 9</math></li> <li>• Viết 9 vào giữa hai chữ số của 27 đc 297.</li> <li>• Vậy <math>27 \times 11=297</math>.</li> </ul> </li> <li>- GV: Y/c HS nhân nhẩm <math>41 \times 11</math>.</li> <li>- GV xét &amp; nêu vđề: Các số 27, 41,...đều có tổng hai chữ số &lt;10, với tr/h tổng hai chữ số &gt;10 như 48, 57,... thì sao?</li> </ul> <p><b>*Phép nhân <math>48 \times 11</math> (tr/h tổng hai chữ số lớn hơn hoặc bằng 10):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Viết phép tính &amp; y/c HS tính kquả.</li> <li>- Hỏi: Xét về 2 tích riêng của phép nhân?</li> <li>- Y/c HS: Nêu rõ bc th/h cộng 2 tích riêng.</li> <li>- GV: Y/c HS từ bc cộng 2 tích riêng xét về các chữ số trg kquả phép nhân này. Rút ra cách nhẩm: <ul style="list-style-type: none"> <li>• <math>4 + 8 = 12</math></li> <li>• Viết 2 vào giữa hai chữ số của 48, đc 428.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</li> <li>- HS: Nhắc lại đề bài.</li> <li>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm nháp.</li> <li>- 2 tích riêng của phép nhân này đều bằng 27.</li> <li>- HS: Nêu.</li> <li>- HS: Nêu xét.</li> <li>- HS: Nhẩm.</li> <li>- HS: Nhân nhẩm &amp; nêu cách nhẩm.</li> <li>- HS: nêu xét.</li> <li>- HS: Nêu.</li> <li>- HS: Nghe giảng.</li> </ul>	



<p><i>a. Đi tìm kết quả:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Viết phép nhân: <math>164 \times 123</math>.</li> <li>- GV: Y/c HS áp dụng t/ch 1 số nhân 1 tổng để tính.</li> <li>- Vậy <math>164 \times 123</math> bằng bn?</li> </ul> <p><i>b. Hướng đặt tính &amp; tính:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu đề: Để tính <math>164 \times 123</math>, theo cách tính trên ta phải th/h 3 phép nhân là <math>164 \times 100</math>, <math>164 \times 20</math> &amp; <math>164 \times 3</math>, sau đó th/h 1 phép tính cộng <math>16400 + 3280 + 492</math> rất mất công. Để tránh th/h nhiều bc tính, ta tiến hành đặt tính &amp; th/h tính nhân theo cột dọc. Dựa vào cách đặt tính nhân với số có 1 chữ số hãy đặt tính <math>164 \times 123</math>.</li> <li>- Nêu cách đặt tính đúng: Viết <math>164</math> rồi viết <math>123</math> xg dưới sao cho hàng đvị thẳng hàng đvị, hàng chục thẳng hàng chục, hàng trăm thẳng hàng trăm, viết dấu nhân rồi kẻ gạch ngang.</li> <li>- Hướng th/h phép nhân &amp; ghiệu các tích riêng: Tg tự như ghiệu các tích riêng ở nhân với số có hai chữ số.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tính: <math>164 \times 123 = 164 \times (100+20+3)</math>  <math>= 164 \times 100 + 164 \times 20 + 164 \times 3</math>  <math>= 16400 + 3280 + 492 = 20172</math></li> <li>- Bằng 20172.</li> <li>- HS lên bảng đặt tính, cả lớp đặt tính vào nháp.</li> <li>- HS: Đặt tính lại theo hướng.</li> <li>- HS: Theo dõi GV th/h phép nhân.</li> </ul>	
<p>164 x 123 108 328 164 . 20172</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Lần lượt nhân từng chữ số của <math>123</math> với <math>164</math> theo thứ tự từ phải sang trái: <ul style="list-style-type: none"> <li>- 3 nhân 4 bằng 12, viết 2 nhớ 1; 3 nhân 6 bằng 18, thêm 1 bằng 19, viết 9 nhớ 1; 3 nhân 1 bằng 3, thêm 1 bằng 4, viết 4.</li> <li>- 2 nhân 4 bằng 8, viết 8 (dưới 9); 2 nhân 6 bằng 12, viết 2 nhớ 1; 2 nhân 1 bằng 2, thêm 1 bằng 3, viết 3.</li> <li>- 1 nhân 4 bằng 4, viết 4 (dưới 2); 1 nhân 6 bằng 6, viết 6; 1 nhân 1 bằng 1, viết 1.</li> </ul> </li> <li>* Th/h cộng hai tích vừa tìm được với nhau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạ 2; 9 cộng 8 bằng 17, viết 7 nhớ 1; 4 cộng 2 bằng 6; 6 cộng 4 bằng 10, thêm 1 bằng 11, viết 1 nhớ 1; 3 cộng 6 bằng 9, thêm 1 bằng 10, viết 0 nhớ 1; 1 thêm 1 bằng 2, viết 2.</li> </ul> </li> <li>* Vậy: <math>164 \times 123 = 20172</math></li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Y/c HS đặt tính &amp; th/h lại phép nhân <math>164 \times 123</math>.</li> <li>- GV: Y/c HS nêu lại từng bc nhân.</li> <li><b>*Luyện tập-thực hành:</b></li> <li><b>Bài 1: Đặt tính rồi tính</b></li> <li>a) <math>248 \times 321</math> ; b) <math>1163 \times 125</math> ; c) <math>3124 \times 213</math></li> <li>- Hỏi: BT y/c ta làm gì?</li> <li>- GV: Các phép tính trg bài đều là các phép nhân với số có ba chữ số, ta th/h tg tự như với phép nhân <math>164 \times 123</math>.</li> <li>- GV: Chữa bài &amp; y/c HS nêu cách tính của từng phép nhân.</li> <li>- GV: Xét HS.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS: nêu các bc như trên.</li> <li>- HS: Nêu y/c.</li> <li>- HS lên bảng làm, cả lớp làm vào VBT.</li> <li>a) <math>248 \times 321 = 79608</math></li> <li>b) <math>1163 \times 125 = 145375</math></li> <li>c) <math>3124 \times 213 = 665412</math></li> </ul>	

<p><b>Bài 3:</b> - GV: Y/c HS đọc đề rồi tự làm BT. - GV: Chữa bài trc lớp.</p> <p><b>3) <i>Củng cố-dặn dò:</i></b> - GV: T/kết giờ học, dặn : △ Làm BT &amp; CBB sau.</p>	<p>- HS: Nêu cách th/h. <b>Giải :</b> <b>Diện tích mảnh vườn hình vuông là:</b> <math>125 \times 125 = 15625 \text{ (m}^2\text{)}</math> - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p>	
--	--	--